

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 160/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 29 – 12 – 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Nguyễn Thùy Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 568/2020/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2020/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ X, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, tờ tự khai không đề ngày tháng năm, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị V trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N được cha mẹ mai mối tiến đến hôn nhân. Hôn nhân lần thứ 01 của cả hai vợ chồng. Ông bà có tổ chức lễ cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B ngày 10/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với cha mẹ chồng ở huyện C. Đến khi người con đầu tiên được 02 tuổi thì bà bỗng con về nhà cha mẹ ruột ở tại tổ X, xã M, thành phố LX. Nguyên nhân do ông N gia trưởng, thường xuyên đánh đập vợ mà không được gia đình chồng can ngăn, khuyên lơn. Thời gian sau, ông N đến năn nỉ thì bà đồng ý hàn gắn vì thương con. Tuy nhiên, ông N vẫn không thay đổi, không chăm lo cho vợ, con mà chỉ quan tâm đến gia đình của ông ấy. Ngoài ra, ông N còn thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tôn trọng bà, không lo làm ăn mà chỉ yêu cầu bà cung cấp tiền bạc để chơi bời. Quá trình chung sống, bà không cảm nhận được tình thương của chồng dành cho mình, không cảm nhận được gia đình là tổ ấm. Nhận thấy, bà đã cố gắng bỏ qua mâu thuẫn để duy trì quan hệ hôn nhân vì các con, cố gắng bươn chải tìm thu nhập để nuôi sống cả gia đình nhưng bà vẫn không được ông N đồng cảm, chia sẻ, vợ chồng bà vẫn không tìm được tiếng nói chung nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông N có 02 (hai) con chung tên chưa trưởng thành tên Trần Trung H sinh ngày 03/4/2006 và Trần Trung K sinh ngày 14/02/2012. Thời gian qua, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Trần Văn N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Trần Văn N vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Phía bà V không yêu

cầu hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V vì hôn nhân giữa bà và ông N không còn mang lại hạnh phúc. Về con chung, do con chung chưa trưởng thành có nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của nguyên đơn. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu.

Do ông N không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị V và ông Trần Văn N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thuộc tổ X, ấp B, xã M, thành phố LX và vẫn còn sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông N theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông N vắng mặt lần thứ hai không lý do. Bà V không yêu cầu hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị V và ông Trần Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 256/KHBK quyền số 02/05 ngày 10/10/2005,

nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà V cho rằng, quá trình chung sống giữa bà và ông N không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Ông N không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến kinh tế gia đình mà chơi bời, tính tình gia trưởng, ghen tuông vô cớ. Thời gian qua, vì thương con, không muốn gia đình đổ vỡ nên bà nhiều lần khuyên lơn chồng nhưng không thành. Phía ông N được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà V và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo thêm thời gian dài để bà V và ông N có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù được sự động viên của Hội đồng xét xử, sự phân tích của đại diện Viện kiểm sát nhưng bà V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà V dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà V và ông N không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn ông N.

[6] Về con chung: Bà V trình bày, bà và ông N có 02 (hai) con chung tên Trần Trung H sinh ngày 03/4/2006; Trần Trung K sinh ngày 14/02/2012. Lời khai của bà V phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 175/KS, quyển số 01/2006 và bản sao giấy khai sinh số 166, do Ủy ban nhân xã M cấp. Xét thấy, các con chung có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do đó yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà V là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[9] **Về án phí:** Bà V phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Số tiền này được trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0005552 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V. Bà Lê Thị V được ly hôn với ông Trần Văn N.

- **Về con chung:** Bà V và ông N có 02 (hai) con chung chưa trưởng thành tên Trần Trung H sinh ngày 03/4/2006 và Trần Trung K sinh ngày 14/02/2012. Bà V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu.

Bà V cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông N thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Số tiền này được trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0005552 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND p. Bình Khánh;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh